

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/DS-ST
Ngày 14 tháng 12 năm 2018
V/v tranh chấp: *Nợ tiền hụi.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Loan**

2. Bà **Nguyễn Kim Lân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp: *Nợ tiền hụi*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Tôn Thị T**, sinh năm 1975.

Trú tại: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Bà **Trịnh Thị L**, sinh năm 1961.

Trú tại: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tôn Thị T trình bày: Từ ngày 20/9/2011 (âm lịch) đến ngày 15/3/2013 (âm lịch), bà T có tham gia chơi hụi do bà Trịnh Thị L làm chủ hụi. Bà T tham gia tất cả 07 chung hụi 1.000.000 đồng/tháng và 01 chung hụi 2.000.000 đồng/tháng như sau: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, ngày 20/9/2011 (âm lịch), hụi 23 chung, bà T tham gia 01 chung, đóng được 21 lần. Hụi 1.000.000 đồng/tháng, ngày 20/11/2011 (âm lịch), hụi 24 chung, bà T tham gia 01 chung, đóng được 19 lần. Hụi 1.000.000 đồng/tháng, ngày 06/01/2012 (âm lịch), hụi 23 chung, bà T tham gia 01 chung, đóng được 17 lần. Hụi 1.000.000 đồng/tháng, ngày 15/02/2012 (âm lịch), hụi 22 chung, bà T tham gia 01 chung, đóng được 16 lần. Hụi 1.000.000 đồng/tháng, ngày 30/3/2012 (âm lịch), hụi 20 chung, bà T tham gia 01 chung, đóng được 15 lần. Hụi 1.000.000 đồng/tháng, ngày 10/4/2012 (âm lịch), hụi 20 chung, bà T tham gia

01 chung, đóng được 13 lần. Hụi 1.000.000 đồng/tháng, ngày 15/3/2013 (âm lịch), hụi 20 chung, bà T tham gia 02 chung, đóng được 02 lần. Hụi 2.000.000 đồng/tháng, ngày 30/01/2013 (âm lịch), hụi 20 chung, bà T212 tham gia 01 chung, đóng được 04 lần = 8.000.000 đồng. Hai dây hụi ngày 20/9/2011 (âm lịch), ngày 20/11/2011 (âm lịch) đã mãn. Các dây hụi còn lại chưa đến thời điểm mãn hụi thì chủ hụi tuyên bố đình hụi vào khoảng tháng 4/2013 (âm lịch). Tổng cộng các dây hụi còn lại, bà L phải thanh toán cho bà T tổng số tiền 113.000.000 đồng. Trong đó, bà T đã hốt 02 dây hụi ngày 20/9/2011 (âm lịch), ngày 20/11/2011 (âm lịch) được 40.000.000 đồng, bà L chung được 31.000.000 đồng, tiền cò của 02 chung hụi là 1.000.000 đồng bà L còn nợ lại bà T số tiền 8.000.000 đồng của 02 dây hụi này. Sau đó bà L có trả hàng tháng cho bà, tính đến ngày 28/8/2016 (âm lịch) là 28.100.000 đồng. Tổng cộng, bà L đã thanh toán được 59.100.000 đồng. Bà L còn nợ lại 53.900.000 đồng. Nay, bà T yêu cầu bà L trả lại số tiền hụi là 53.900.000 đồng.

*Bị đơn bà **Trịnh Thị L** trình bày:* Bà Trịnh Thị L thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về thời gian mở hụi, khai hụi, đóng hụi, hốt hụi và thống nhất còn thiếu tiền nợ hụi của nguyên đơn số tiền 53.900.000 đồng. Nay, bà L chỉ đồng ý trả cho bà T tiền vốn là 19.601.000 đồng, còn lại phần lời của các dây hụi số tiền 34.299.000 đồng thì bà L không có khả năng trả, do các hụi viên không đóng hụi cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bị đơn bà Trịnh Thị L có nơi cư trú tại ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là nợ tiền hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Trịnh Thị L vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xét xử vắng mặt đối với bà L theo quy định.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Do giao dịch hụi giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện xong trước ngày 01/01/2017, ngày Bộ luật dân sự năm 2017 có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2017.

[4] *Về nội dung vụ án:* Từ ngày 20/9/2011 (âm lịch) đến ngày 15/3/2013 (âm lịch), bà T212 có tham gia 07 chung hụi, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng và 01 chung hụi, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng do bà L là chủ hụi. Các dây hụi phía bà T tham gia chơi do bà L là chủ hụi đến nay đã mãn hụi. Tổng cộng các dây hụi, bà L phải thanh toán cho bà T tổng số tiền 113.000.000 đồng. Tính đến ngày 28/8/2016 (âm lịch) đến nay, bà L đã thanh toán cho bà T được số tiền 59.100.000 đồng, bà L còn nợ lại bà T tiền hụi là 53.900.000 đồng. Tuy, bà L vắng mặt tại phiên tòa nhưng ngày

05/10/2018 bà L có tham gia hòa giải giáp mặt với bà T và tại phiên hòa giải bà L thừa nhận sau khi đã đối trừ, bà L còn nợ bà T với tổng số tiền 53.900.000 đồng. Bà L chấp nhận còn nợ số tiền này và không yêu cầu điều chỉnh gì thêm. Do đó, lời thừa nhận này là chứng cứ có thật theo quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, đến nay phía bị đơn đã chưa thanh toán số tiền còn nợ lại của nguyên đơn. Xét, việc tham gia chơi hội giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, việc này có xảy ra trên thực tế và các bên đã thừa nhận. Bà L không thực hiện việc giao hội đúng, đủ cho bà T. Như vậy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ cũng như không thực hiện đúng trách nhiệm của chủ hội cho nên bà T yêu cầu bà L phải trả tiền hội còn thiếu cho bà là có cơ sở. Căn cứ Điều 14, 15, 17, 19, 21, 22, 29, Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hội, họ, biếu, phường, chấp nhận yêu cầu của bà T212. Còn việc bà L xin phần tiền lời của các dây hội nhưng phía bà T không đồng ý và không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà L.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà L phải chịu 5% án phí dân sự có giá ngạch với tổng số tiền buộc trả cho nguyên đơn. Bà T212 được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 476; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 14, 15, 17, 19, 21, 22, 29, Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hội, họ, biếu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Thị T về việc yêu cầu bà Trịnh Thị L trả tiền hội với số tiền 53.900.000 đồng.

Buộc bà Trịnh Thị L trả cho bà Tôn Thị T số tiền hội 53.900.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bà Tôn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trịnh Thị L không thi hành xong khoản tiền trên, bà Trịnh Thị L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 5% với số tiền 2.695.000 đồng (chưa nộp). Bà Tôn Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.375.000 đồng theo biên lai thu số 0008561 ngày 16/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang